

Diễn biến thị trường ngày 20.04.2017

Ngày đầu phiên giao dịch dòng tiền đầu tư đã thận trọng và chảy vào thị trường khá yếu. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 4,11 điểm (0,57%) xuống 712,66 điểm; HNX-Index giảm 0,65 điểm (0,73%) xuống 88,47 điểm. Thanh khoản trên hai sàn tiếp tục ở mức thấp so với trung bình 20 phiên trở lại đây với giá trị giao dịch 3.627 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 189 triệu cổ phiếu.

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị 30,41 tỷ đồng (5,4 triệu cổ phiếu). VIC là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 30,3 tỷ đồng (0,74 triệu cổ phiếu) và SCR với 25,2 tỷ đồng (2,9 triệu cổ phiếu). Ở chiều ngược lại, VNM là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 28 tỷ đồng (0,19 triệu cổ phiếu).

Dòng tiền vào thị trường yếu và nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trong phiên hôm nay là những dấu hiệu tiêu cực của thị trường. Vì vậy, trong phiên cuối tuần, VN-Index có thể tiếp tục điều chỉnh về vùng hỗ trợ 705-710 điểm và chỉ số sẽ bắt đầu khôi phục từ phiên đầu tuần sau.

Cập nhật thị trường	HOSE	HNX
Chỉ số	712,66	88,47
% thay đổi	-0,57%	-0,73%
Tổng KLGĐ (triệu CP)	137,64	51,31
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3.129,20	498,04
KL Dư mua (triệu CP)	112,82	27,25
KL Dư bán (triệu CP)	128,36	29,04
Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX
KL mua (triệu CP)	4,87	0,69
KL bán (triệu CP)	10,26	1,45
GT mua (tỷ đồng)	217,76	12,42
GT bán (tỷ đồng)	248,16	13,29
KL mua/bán ròng (triệu CP)	-5,39	-0,76
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	(30,40)	(0,87)
Chỉ số thị trường	HOSE	HNX
P/B	4,57	1,60
P/E	15,79	11,65
Beta	1,01	0,84
ROE	21,48 %	14,46 %
ROA	11,11 %	6,11 %

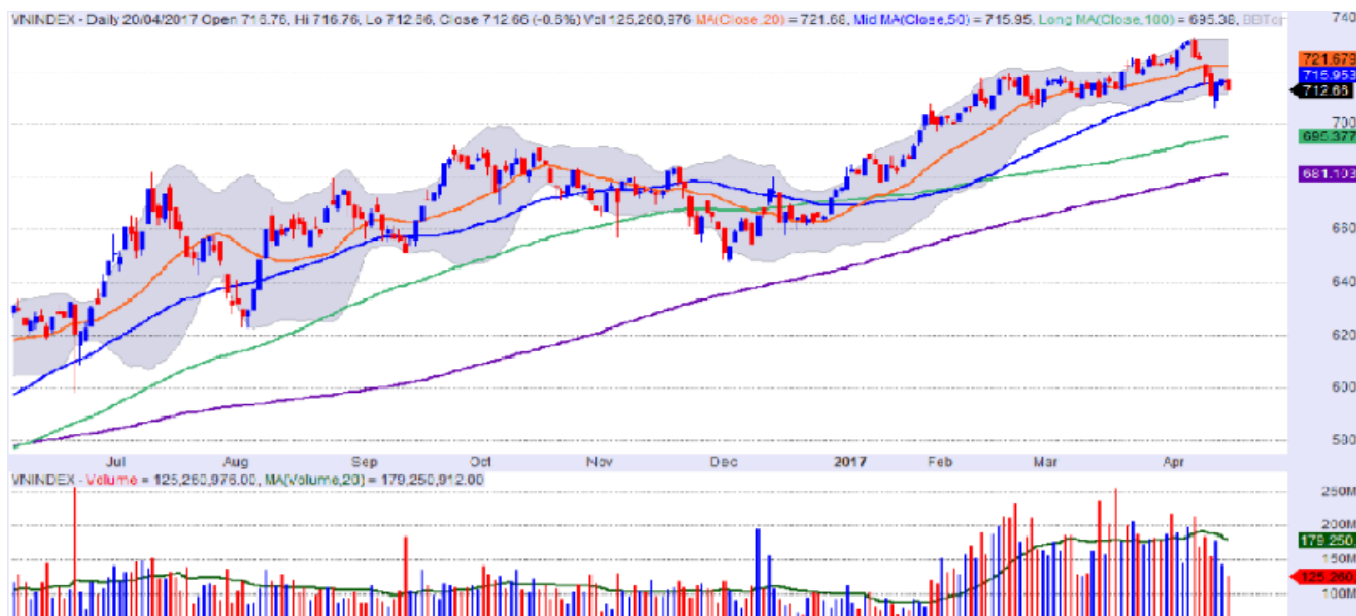
Thông tin giá dầu thế giới giảm mạnh trong phiên giao dịch đêm qua đã có tác động tiêu cực đến các cổ phiếu dầu khí trong phiên hôm nay: GAS (-1,82%), PVS (-1,81%), PVD (-1,85%), PVT (-1,91%), PVX (-4,76%).

VNS giảm sàn xuống 22.250 đồng, đánh dấu phiên giảm thứ 5 liên tiếp trong đó có 2 phiên giảm sàn và ở mức giá thấp nhất trong hai năm, VNS đang gặp khó khăn trước sự cạnh tranh gay gắt của Grab và Uber khiến kết quả kinh doanh sụt giảm mạnh, Lãi từ hoạt động kinh doanh chính năm 2016 chỉ còn 225 tỷ đồng, giảm 30% so với mức đỉnh 318 tỷ của năm 2014.

Hàng loạt cổ phiếu lớn đồng loạt giảm xuống sắc đỏ VIC (-2,2%), VCB (-1,4%), MSN (-2%), SHB (-2,7%), VCG (-3,3%); điều này đã làm hai chỉ số trong phiên điều chỉnh mạnh.

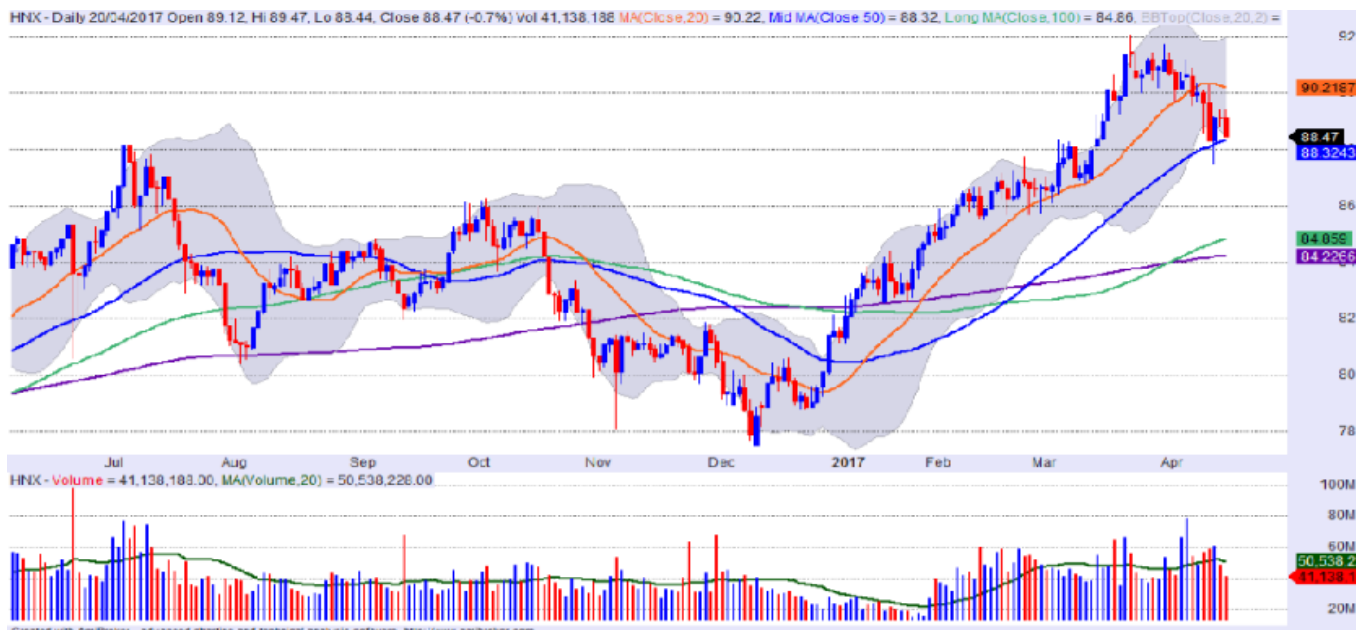
Phân tích kỹ thuật

VN-Index



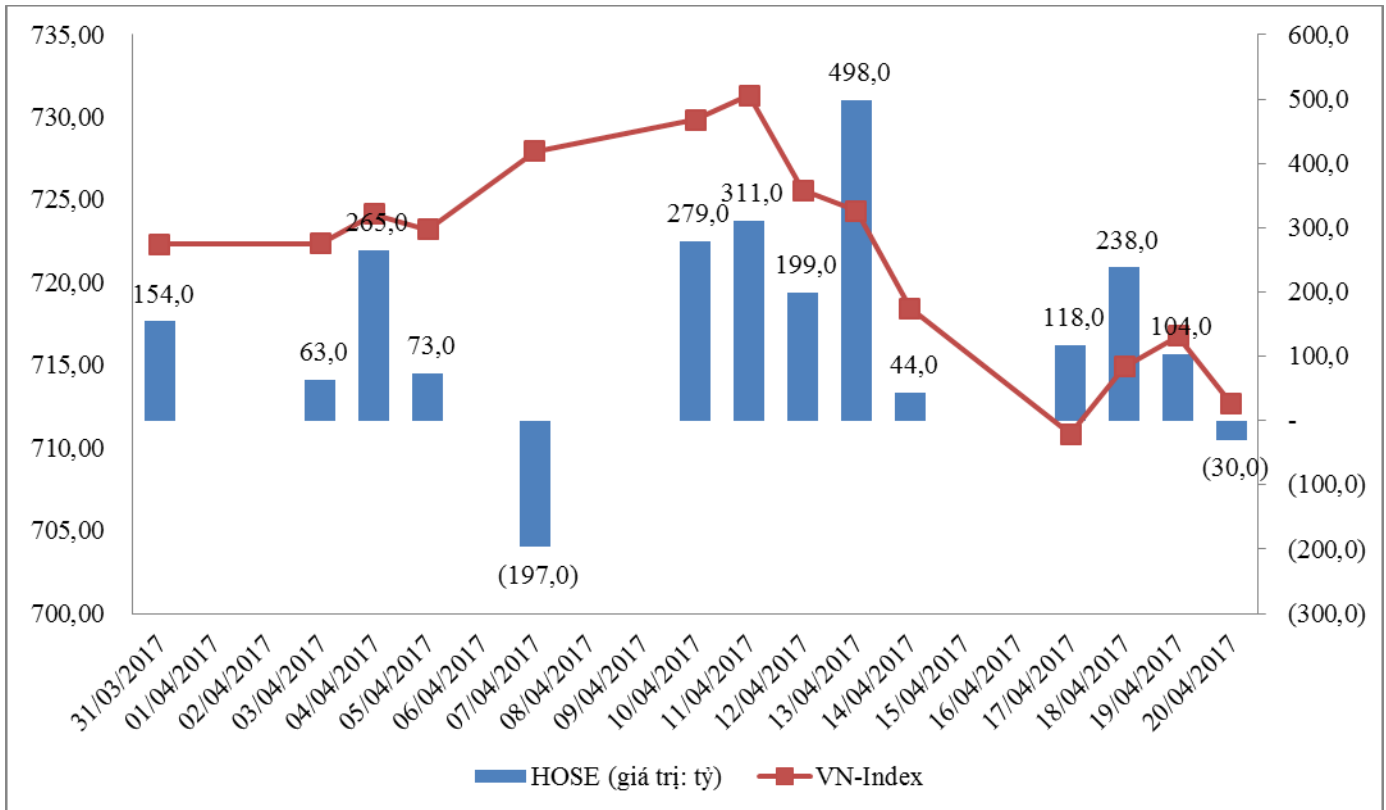
VN-Index điều chỉnh trở lại sau 2 phiên hồi phục trước đó. Tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn của chỉ số chuyển từ trung tính xuống tiêu cực với vùng hỗ trợ 705-708 điểm vùng kháng cự trong khoảng 715-721 điểm.

HNX-Index



HNX-Index giảm điểm phiên thứ 2 liên tiếp, với mức giảm khá mạnh. Tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn của chỉ số duy trì trung tính với mức hỗ trợ là 88,3 điểm và vùng kháng cự trong khoảng 88,9-89,6 điểm.

Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



Điểm tin doanh nghiệp

CTCP Nhựa thiếu niên Tiên Phong (NTP – sàn HNX) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2017. Theo đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.030,74 tỷ đồng, tăng 27,4% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó, doanh thu bán sản phẩm trong nước chiếm tỷ trọng chủ yếu, đạt 1.026,32 tỷ đồng, còn xuất khẩu chỉ đạt 1,43 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 93,62 tỷ đồng, tăng 12,46% so với cùng kỳ. Mới đây, ĐHCĐ thường niên của NTP đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2017 bao gồm Công ty TNHH Nhựa thiếu niên Tiên Phong miền Trung – Công ty con và không bao gồm công ty liên kết, liên doanh, với chỉ tiêu doanh thu 4.880 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 455 tỷ đồng và tỷ lệ chia cổ tức dự kiến 20%. Đồng thời, Đại hội cũng đã thống nhất phương án phát hành hơn 14,87 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 20%. Thời gian phát hành trong năm nay. Đóng cửa phiên 20/4, NTP tăng 0,5% lên mức 76.000 đồng/CP và đã chuyển nhượng thành công 7.600 đơn vị. Tính trung bình 10 phiên gần đây, khối lượng khớp lệnh của NTP đạt 33.165 đơn vị. (trích nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn)

Hãng hàng không quốc gia vẫn duy trì được đà tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận bất chấp việc thị trường hàng không trong những tháng đầu năm xuất hiện nhiều yếu tố bất lợi. Cụ thể, tính đến hết quý I/2017, Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (Vietnam Airlines) thực hiện được 34.265 chuyến bay an toàn, trong đó tỷ lệ chuyến bay đúng giờ đi đạt 91,6%, tăng 6,2 điểm và tỷ lệ chuyến bay đúng giờ đến đạt 81,4%, tăng 5,9 điểm so với cùng kỳ và vượt 1,4 điểm so với mục tiêu quý. Cũng trong quý I/2017, Vietnam Airlines vận chuyển được trên 5 triệu lượt khách, tăng 9,3% và 0,756 triệu tấn hàng hóa, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm 2016. Thị phần toàn thị trường vận tải hành khách trong quý I/2017 của riêng hãng hàng không quốc gia đạt 37,5%, trong đó thị phần nội địa đạt 43,2%, thị phần quốc tế đạt 30,8%. Ước tính, trong 3 tháng đầu năm, tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty ước đạt 20.431 tỷ đồng, đạt 23,8% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 539 tỷ đồng, đạt 39,6% kế hoạch. Tổng doanh thu của Công ty mẹ - Vietnam Airlines đạt 16.344 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu vận tải hành khách đạt 15.914 tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 485 tỷ đồng, vượt 2,4 lần so với kế hoạch quý. Điều đáng nói là kết quả kinh doanh này của Vietnam Airlines đã bị ảnh hưởng khá nhiều do giá nhiên liệu bay tiếp tục tăng mạnh. Giá nhiên liệu bình quân trong quý I/2017 là 65,3 USD/thùng, cao hơn 8,8% so với kế hoạch, làm tăng chi phí của hãng hơn 260 tỷ đồng. Theo ghi nhận của Vietnam Airlines, mặc dù thị trường hàng không tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng đã có dấu hiệu chậm lại, khách tổng toàn thị trường quý I/2017 đạt 13,46 triệu lượt, tăng 17,9% so với cùng kỳ, bằng 96,9% dự báo đầu năm. Đặc biệt, khách tổng thị trường nội địa đạt 7,31 triệu lượt khách, tăng 16,8% và thấp hơn dự báo 8,2%, riêng tháng 3/2017, tổng thị trường nội địa chỉ tăng trưởng 9,2%.

(trích nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn)

CTCP Xây dựng Coteccons (CTD) vừa công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2017. Theo đó, trong quý đầu của năm 2017, công ty đạt 4.361 tỷ đồng doanh thu, tăng 39% so với cùng kỳ năm 2016. Tuy vậy, chi phí tăng cao khiến lợi nhuận gộp chỉ tăng 19%, từ 320 tỷ lên 382 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 25% từ 241 tỷ lên 301 tỷ đồng. Tại thời điểm cuối quý 1, Coteccons có lượng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn khá dồi dào lên tới 5.160 tỷ đồng – chiếm 45% tổng tài sản, đạt 11.500 tỷ đồng. Công ty hoàn toàn không có vay nợ ngân hàng. Lượng tiền mặt của Coteccons đã tăng lên đáng kể sau đợt chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược cuối năm 2016 thu về gần 1.900 tỷ đồng. Các khoản phải thu và tồn kho lần lượt là 3.400 tỷ và 1.300 tỷ đồng, tương đương với thời điểm đầu năm. *(trích nguồn: cafef.vn)*

Điểm tin kinh tế

Giá dầu có phiên giảm mạnh nhất trong vòng 6 tuần xuống mức thấp nhất trong vòng hơn nửa tháng, do nguồn cung xăng ở Mỹ bất ngờ tăng trong vòng 2 tháng trở lại đây. Giá dầu WTI giảm 1,97 USD, tương đương 3,8%, xuống 50,44 USD/thùng tại Sàn giao dịch hàng hóa New York. Giá dầu có phiên giảm mạnh nhất kể từ ngày 8/3 và chạm mức giá thấp nhất kể từ 3/4, theo số liệu của Dow Jones. Tương tự, giá dầu Brent tại thị trường London mất 1,96 USD, tương đương 3,6%, xuống 52,93 USD/thùng, mức thấp nhất kể từ 31/3. Viện Dầu mỏ Mỹ cuối ngày thứ Ba thông tin rằng nguồn cung giảm 840.000 thùng. Tuy nhiên, lượng tồn kho xăng tăng 1,5 triệu thùng, trái ngược với mức giảm 2 triệu thùng như dự báo. Tồn kho các sản phẩm hóa dầu giảm mạnh hơn dự kiến, ở mức 2 triệu thùng trong tuần trước. Trong một báo cáo mới đây, EIA cho biết tổng sản lượng dầu thô tại Mỹ tăng 17.000 thùng/ngày. “Ngoài ra, những bình luận kém lạc quan về khả năng OPEC gia hạn thỏa thuận cắt giảm sản lượng trong 6 tháng cuối năm khiến một số nhà đầu tư chốt lời”, Richey bình luận. Vào đầu tuần, Bộ trưởng Năng lượng Arab Saudi Khalid al-Falih được báo chí trích lời cho rằng còn quá sớm để có thể quyết định gia hạn thỏa thuận hay không. (trích nguồn: *cafef.vn*)

Trên thị trường thế giới, giá vàng đang đuối sau khi lập đỉnh của 5 tháng cách đây ít hôm. Lực mua vàng phòng ngừa rủi ro chứng lại và đồng USD vững giá khiến giá vàng chưa thể tái lập mốc 1.300 USD/oz. Chốt phiên ngày 19/4 tại New York, giá vàng giao ngay giảm 8,9 USD/oz, còn 1.281,3 USD/oz. Trong phiên châu Á sáng nay, vào lúc hơn 10h theo giờ Việt Nam, giá vàng giảm thêm 1,3 USD/oz, còn 1.280 USD/oz. Chỉ số Bloomberg Dollar Spot Index, một thước đo sức mạnh đồng USD, cũng trong phiên sáng nay, sau khi tăng 0,5% vào phiên đêm qua. Đồng bạc xanh tăng giá sau khi một báo cáo của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) công bố ngày 19/4 cho biết nền kinh tế lớn nhất thế giới vẫn tăng trưởng vững. Phó chủ tịch FED Stanley Fischer cũng đưa ra một bức tranh sáng sủa hơn về tăng trưởng kinh tế toàn cầu, coi đây là một cơ sở để FED tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ với tốc độ từ tốn. (trích nguồn: *ndh.vn*)

Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 20.04.2017

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HOSE					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	FLC	7,52	0,40	12.059.620	89.876
2	ITA	3,20	(2,14)	6.366.230	20.525
3	HQC	2,52	(1,18)	5.806.020	14.840
4	SCR	8,73		5.587.910	48.826
5	BHS	13,70	4,58	5.437.390	75.118
6	ROS	162,50	0,62	4.494.390	725.407
7	DLG	3,37	(0,30)	4.488.180	15.345
8	DCM	11,15	0,90	3.919.100	44.176
9	DXG	21,20	(2,08)	3.793.640	82.939
10	BID	16,60	1,84	3.276.820	53.994

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD > 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	HID	3,17	6,73	701.070	2.191
2	LDG	13,35	5,12	1.870.300	25.062
3	DIG	9,47	5,11	2.472.230	23.285
4	VPH	11,30	4,63	292.480	3.255
5	BHS	13,70	4,58	5.437.390	75.118
6	DHM	7,05	4,29	985.110	6.730
7	CDO	3,40	3,98	933.210	3.178
8	ADS	22,65	3,90	323.570	7.143
9	PNJ	82,60	2,48	353.550	29.393
10	PPI	2,64	2,33	230.510	592

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD > 100.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	MPT	5,50	7,84	171.533	912
2	KHB	1,80	5,88	327.800	586
3	DNP	28,00	4,09	135.910	3.733
4	LIG	5,90	3,51	132.833	787
5	SHN	10,20	2,00	1.750.628	17.867
6	MST	10,20	2,00	432.400	4.344
7	S99	5,10	2,00	129.315	658
8	NDN	8,20	1,23	229.284	1.918
9	LAS	13,70	0,74	110.030	1.527
10	PIV	15,90	0,63	407.100	6.464

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	SHB	7,30	(2,67)	16.274.723	118.827
2	VCG	14,60	(3,31)	1.751.800	26.104
3	SHN	10,20	2,00	1.750.628	17.867
4	CEO	11,90	(3,25)	1.596.700	19.332
5	ACB	22,70		1.029.547	23.453
6	HKB	6,30		974.300	6.177
7	HUT	13,10	(0,76)	944.085	12.475
8	NHP	3,60	(2,70)	936.000	3.329
9	SHS	8,10		846.800	6.819
10	PVS	16,30	(1,81)	770.537	12.638

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD > 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	TTF	7,22	(6,96)	952.550	6.926
2	VNS	22,25	(6,90)	326.470	7.298
3	APG	5,10	(6,76)	312.100	1.687
4	PDR	23,40	(3,70)	386.510	9.180
5	IJC	8,10	(3,57)	655.150	5.483
6	NLG	28,00	(3,11)	909.770	25.658
7	DPM	24,00	(2,83)	1.322.730	32.112
8	KSB	42,30	(2,76)	382.800	16.417
9	BFC	35,10	(2,50)	275.200	9.756
10	AGR	3,55	(2,47)	987.000	3.664

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD > 150.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	PVX	2,00	(4,76)	670.134	1.348
2	SVN	2,80	(3,45)	576.806	1.634
3	HHG	8,40	(3,45)	483.425	4.007
4	VCG	14,60	(3,31)	1.751.800	26.104
5	CEO	11,90	(3,25)	1.596.700	19.332
6	NHP	3,60	(2,70)	936.000	3.329
7	SHB	7,30	(2,67)	16.274.723	118.827
8	PHC	12,90	(2,27)	215.400	2.803
9	CVT	47,80	(2,25)	250.640	12.111
10	PGS	18,60	(2,11)	304.800	5.619

Thống kê giao dịch khối ngoại:

Top mua ròng giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VNM	192.930	27.978.430	657.805.095	54,68
2	CTD	105.160	20.503.970	4.018.894	43,78
3	VJC	102.200	13.422.370	11.831.960	26,06
4	CII	239.760	8.689.020	26.668.567	60,30
5	MSN	176.860	7.977.220	201.086.092	30,88
6	KBC	329.100	4.937.750	73.669.343	33,51
7	AAA	108.180	2.716.520	6.685.576	20,26
8	VHC	37.060	2.036.260	58.748.694	36,42
9	HTI	88.400	1.999.680	151.489.200	9,30
10	SVC	30.680	1.501.210	2.109.526	40,56

Top bán ròng giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VIC	(740.610)	(30.296.280)	500.049.701	10,04
2	SCR	(2.887.600)	(25.203.340)	84.223.752	12,05
3	VCB	(464.890)	(16.546.930)	333.444.987	20,73
4	DPM	(527.430)	(12.771.700)	113.990.136	19,88
5	DCM	(575.000)	(6.482.660)	241.702.293	3,34
6	NLG	(206.970)	(5.852.920)	8.521.278	43,00
7	ROS	(32.700)	(5.294.670)	206.610.270	0,95
8	NVL	(73.830)	(5.259.590)	209.064.741	14,10
9	STB	(203.970)	(2.361.100)	284.893.087	10,82
10	VNS	(104.910)	(2.342.850)	2.192.138	45,77

Top mua ròng giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VGC	369.300	5.865.970	64.645.438	-
2	VCS	4.700	704.660	27.886.996	2,52
3	VND	40.500	601.040	1.719.633	47,89
4	IDV	4.500	229.500	5.341.923	2,81
5	SED	11.200	202.930	2.471.490	24,29
6	DBC	4.400	124.680	17.346.699	25,96
7	DGL	3.500	124.250	22.194.745	1,17
8	QHD	3.600	123.120	2.629.559	1,40
9	DNP	2.900	78.390	13.637.028	3,55
10	DBT	4.445	70.382	5.479.123	4,51

Top bán ròng giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	SHB	(1.008.900)	(7.438.380)	212.968.320	9,11
2	VIX	(192.300)	(1.100.940)	20.910.256	19,17
3	TNG	(48.725)	(630.742)	9.022.590	22,51
4	PVS	(13.000)	(211.710)	96.123.175	27,48
5	MAS	(1.700)	(153.150)	1.016.575	15,21
6	PVI	(4.800)	(139.760)	0	48,66
7	NTP	(600)	(45.600)	11.829.446	33,09
8	PMS	(800)	(26.240)	3.136.242	5,61
9	IVS	-2400	(24.000)	2.050	48,99
10	CTB	(500)	(16.400)	1.317.700	11,35

Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	15.753,82	1%	-1,66%	-8,07%	2,70	0,62	4,60%	2,07%	-7,60%	-5,71%
Nguyên vật liệu	152.256,21	7%	-1,07%	-10,03%	9,26	1,85	19,23%	10,28%	5,78%	14,56%
Công nghiệp	414.767,75	18%	-0,15%	-1,26%	16,38	4,82	19,74%	9,60%	20,57%	24,20%
Hàng Tiêu dùng	605.715,75	27%	-0,42%	0,42%	19,91	6,85	30,05%	20,49%	15,55%	33,91%
Dược phẩm và Y tế	31.730,50	1%	-0,34%	3,42%	24,06	3,26	22,18%	14,59%	11,75%	39,78%
Dịch vụ Tiêu dùng	135.696,22	6%	-0,80%	-3,64%	18,05	5,10	38,28%	10,12%	22,84%	7,55%
Viễn thông	13.343,83	1%	-0,14%	-6,41%	12,85	3,89	29,45%	10,90%	14,28%	44,10%
Tiện ích Cộng đồng	162.493,40	7%	-1,04%	-2,14%	13,01	2,22	15,61%	10,32%	14,78%	23,97%
Tài chính	339.595,01	15%	-1,01%	-1,90%	22,22	2,79	10,13%	3,39%	17,57%	31,64%
Ngân hàng	352.436,33	16%	-0,07%	-1,98%	13,46	1,69	11,87%	0,76%	22,76%	51,71%
CNTT	27.598,13	1%	-0,47%	-1,46%	11,01	1,96	16,31%	6,64%	5,80%	20,12%

Top vốn hóa cao nhất HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6.442	22,49	1.451.404.849	43,16%	32,89%	210.308,56
2	SAB	SABECO	6.983	28,64	641.281.186	33,80%	21,97%	128.256,24
3	VCB	Vietcombank	1.899	18,64	3.597.768.575	14,70%	0,93%	127.361,01
4	VIC	VinGroup	925	43,90	2.637.707.954	5,89%	1,50%	107.090,94
5	GAS	PV Gas	3.668	14,72	1.913.348.070	16,77%	12,37%	103.320,80
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1.093	148,71	430.000.000	11,63%	7,39%	69.875,00
7	CTG	VIETINBANK	1.828	9,52	3.723.404.556	11,48%	0,79%	64.787,24
8	BID	BIDV	1.795	9,25	3.418.715.334	14,70%	0,66%	56.750,67
9	MSN	Tập đoàn Masan	3.634	12,35	1.138.262.164	11,77%	3,85%	51.107,97
10	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	2.793	25,35	589.369.234	20,63%	5,28%	41.727,34

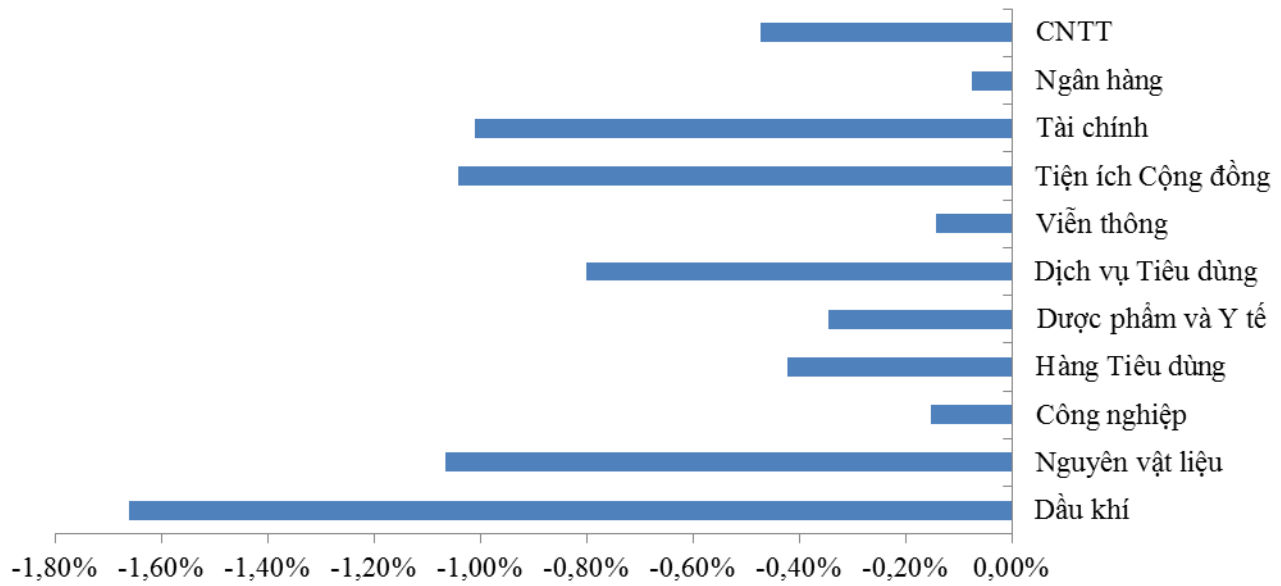
Top vốn hóa cao nhất HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1.413	16,06	985.901.288	9,87%	0,61%	22.379,96
2	VCS	VCS STONE	12.032	12,48	60.000.000	50,58%	23,16%	9.006,00
3	SHB	SHB	816	8,95	1.119.192.914	7,46%	0,42%	8.170,11
4	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2.325	7,01	446.700.421	8,79%	4,00%	7.281,22
5	PVI	Bảo hiểm PVI	2.304	12,76	222.487.267	7,96%	3,36%	6.541,13
6	VCG	VINACONEX	1.095	13,34	441.710.673	6,54%	2,22%	6.448,98
7	NTP	Nhựa Tiền Phong	5.346	14,22	74.367.307	22,38%	11,90%	5.651,92
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1.410	11,07	326.960.000	12,12%	8,82%	5.100,58
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1.673	9,50	307.000.000	13,40%	4,17%	4.881,30
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1.829	12,85	131.075.937	8,87%	3,74%	3.080,28

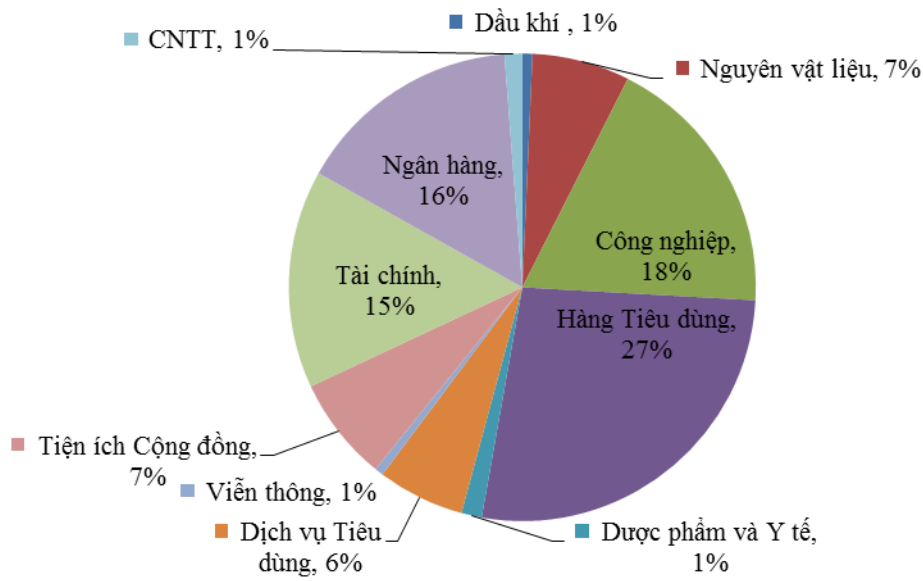
Top vốn hóa cao nhất UPCOM

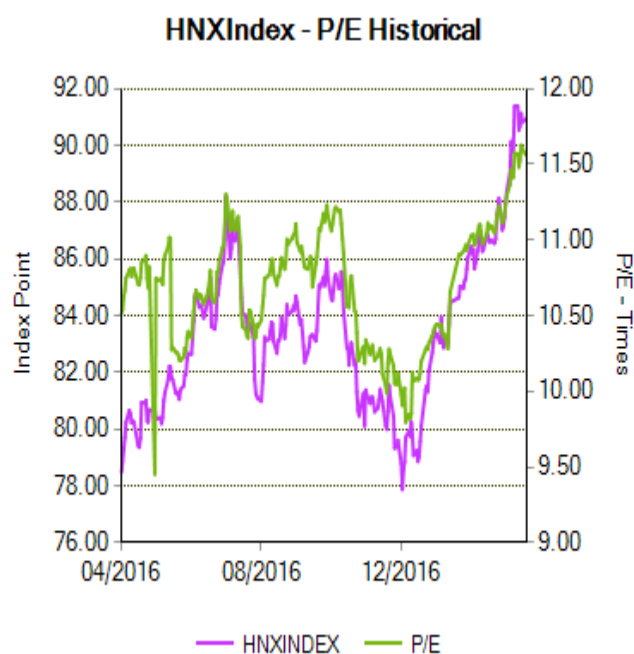
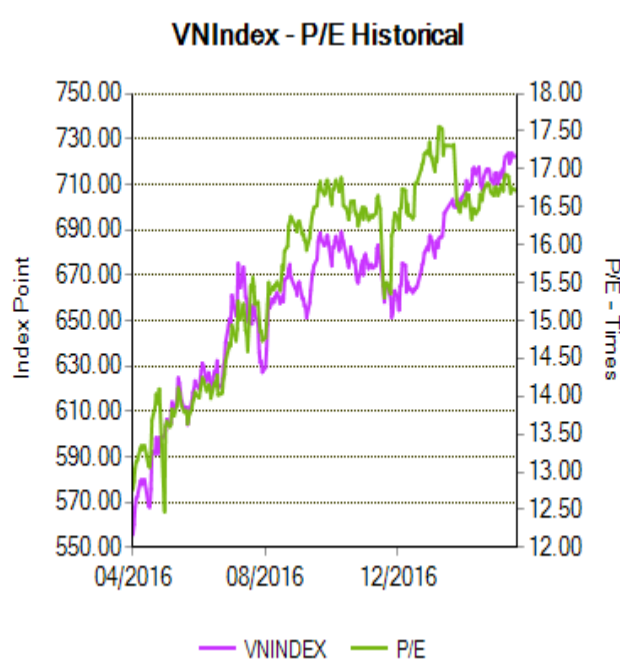
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	2.345	21,31	2.177.173.236	22,36%	11,14%	108.771,57
2	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	4.979	12,70	538.160.117	21,66%	15,32%	34.038,63
3	HVN	Vietnam Airlines	1.674	16,27	1.227.533.778	14,48%	2,21%	33.425,74
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7.517	16,30	187.549.373	43,25%	24,96%	22.980,42
5	FOX	FPT Telecom	6.698	13,44	137.048.594	30,82%	11,15%	12.334,37
6	VIB	VIBBank	995	20,11	564.440.589	6,47%	0,59%	11.294,46
7	MSR	Tài Nguyên MASAN	153	102,70	703.544.898	0,94%	0,41%	11.031,58
8	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	216,25	166.604.050	2,58%	2,56%	9.606,39
9	DTK	Vinacom Power	617	22,68	680.000.000	6,83%	1,53%	9.520,00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-515	-157,23	107.299.000	-6,48%	-4,99%	8.691,22

Tăng/giảm theo ngành



Tỷ trọng vốn hóa ngành





MIỄN TRÁCH: Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này. Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

THÔNG TIN LIÊN HỆ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở Tầng 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn